

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ  
CAO SU QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Ngày 04 tháng 03 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam

Mã chứng khoán: VHG -

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 05103.947234

Fax: 05103.946333

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Khiếu Phương

Địa chỉ: Số 33 Đường An Thượng 6, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0966714682

Fax: 05103.946333

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*): Công bố Điều chỉnh BCTC hợp nhất Quý 4/2015

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04.03.2016 tại đường dẫn:

<http://qnr.vn/news/85-dinh-chinh-bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-quy-iv-nam-2015#v>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và  
các tài liệu có liên quan

Người đại diện theo pháp luật/  
Người được ủy quyền công bố thông tin  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Anh Tuấn*

Số: 009/VHG

"V/v: Đính chính BCTC hợp nhất Quý 4/2015"

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2016

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Ngày 15 tháng 02 năm 2016 Công ty CP Đầu tư cao su Quảng Nam đã công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2015. Sau khi kiểm tra Công ty xin đính chính 1 số thông tin như sau:

1. Đính chính số liệu trên bản cân đối kế toán hợp nhất Quý 4/2015 theo đúng TT 202/2014/TT-BTC ngày 22.12.2014, thay đổi chỉ tiêu C. Lợi thế thương mại về chỉ tiêu 4. Lợi thế thương mại (mã số: 269), thay đổi chỉ tiêu C. Lợi ích của cổ đông thiểu số về chỉ tiêu số 13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (mã số: 429), điều này không làm thay đổi tổng tài sản và nguồn vốn.

**PHẦN TÀI SẢN**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã công bố (31.12.2014)	Số điều chỉnh (31.12.2014)	Chênh lệch
VI. Tài sản dài hạn khác	200	63.122.099.257	97.247.099.257	34.125.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	63.122.099.257	63.122.099.257	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-	-
4. Lợi thế thương mại	269	-	34.125.000.000	34.125.000.000
C. Lợi thế thương mại		34.125.000.000	-	(34.125.000.000)

**PHẦN NGUỒN VỐN**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã công bố (31.12.2014)	Số điều chỉnh (31.12.2014)	Chênh lệch	Số đã công bố (31.12.2015)	Số điều chỉnh (31.12.2015)	Chênh lệch
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	899.487.708.288	945.137.337.957	45.649.629.669	1.687.131.850.207	1.711.285.511.305	24.153.661.098
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	-	45.649.629.669	45.649.629.669	-	24.153.661.098	24.153.661.098
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439	45.649.629.669	-	(45.649.629.669)	24.153.661.098	-	(24.153.661.098)

2. Đính chính số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý 4/2015 theo đúng TT 202/2014/TT-BTC ngày 22.12.2014, thay đổi chỉ tiêu số 14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết lên chỉ tiêu số 8 (mã số: 24) điều này làm thay đổi Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong kỳ (Chi tiết xem Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đính kèm)

Lý do đính chính: Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa trình bày theo đúng theo TT TT 202/2014/TT-BTC ngày 22.12.2014 nay công ty trình bày lại.

Trên đây là đính chính Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý 4/2015.

**Nơi gửi:** - Như trên;  
- Lưu VT;BTC



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2015

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1	VI.1	215,855,755,000	123,059,740,442	659,671,082,150	394,873,128,077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	215,855,755,000	123,059,740,442	659,671,082,150	394,873,128,077
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	VI.2	216,068,474,000	121,333,811,441	628,363,055,690	348,796,503,819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		(212,719,000)	1,725,929,001	31,308,026,460	46,076,624,258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,297,091,025	17,460,398,532	64,174,663,082	29,899,780,485
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	1,646,991,788	1,088,471,485	13,011,509,440	6,658,366,002
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1,782,444,621</i>	<i>863,686,657</i>	<i>6,271,163,803</i>	<i>6,404,246,044</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		1,069,388,636	-	9,379,629,813	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	10,875,000	393,489,090	196,540,470
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,479,794,201	3,058,543,113	10,119,833,899	9,382,051,082
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	VI.5	8,026,974,672	15,028,437,935	81,337,486,926	59,739,447,189
12. Thu nhập khác	31		3,725,000,000	504,714,471	4,564,386,795	44,691,607,314
13. Chi phí khác	32		4,892,891,549	40,830,183	5,212,547,414	5,701,199,550
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,167,891,549)	463,884,288	(648,160,619)	38,990,407,764
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6,859,083,123	15,492,322,223	80,689,326,307	98,729,854,953
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	4,941,797,981	3,593,544,859	9,445,339,772	7,663,626,681
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(3,638,184,805)	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5,555,469,947	11,898,777,364	71,243,986,535	91,066,228,272
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (61 = 60 - 62)	61		5,157,861,426	11,862,317,252	70,774,150,919	91,665,876,661
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		397,608,521	36,460,112	469,835,616	(599,648,389)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	34	158	710	1,774
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Quảng Nam, ngày 04 tháng 03 năm 2016



**VU ANH TUẤN**  
Tổng Giám đốc

**LÊ KHIẾU PHƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**TRƯƠNG VĂN THỊNH**  
Người lập biểu